

V, ngày 16 tháng 4 năm 2024

Số: 01/2024/QĐST-KDTM

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2024/TLST-KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP DT Việt Nam**

Địa chỉ: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, quận H, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Hồng V; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch khu công nghiệp V - Ngân hàng TMCP DT Việt Nam - Chi nhánh PT. (Theo Văn bản ủy quyền số: 1811/QĐ-BIDV.PT ngày 18/12/2023).

- **Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1956**

Địa chỉ: Đội 6, xã V, thành phố V, tỉnh PT.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Bà Nguyễn Thị V (tức Hà), sinh năm 1961**

Địa chỉ: Đội 6, xã V, thành phố V, tỉnh PT.

+ **Chị Phan Thị H, sinh năm 1983**

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh PT.

+ **Chị Phan Thị L, sinh năm 1985**

Địa chỉ: Tổ 22B, khu Thọ Mai, phường L, thành phố V, tỉnh PT.

+ **Anh Phan Thành L, sinh năm 1988**

Địa chỉ: Đội 6, xã V, thành phố V, tỉnh PT.

## 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ngân hàng TMCP DT Việt Nam và ông Phan Văn T thống nhất xác nhận đến ngày 08/4/2024, ông Phan Văn T còn nợ Ngân hàng TMCP DT Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/998005/HĐTD ngày 25/6/2014 tổng số tiền gốc và lãi là 1.432.742.001đ (*Một tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm L một đồng*). Trong đó nợ gốc: 732.000.000đ (*Bảy trăm ba mươi hai triệu đồng*); Nợ lãi trong hạn: 37.004.932đ (*Ba mươi bảy triệu, không trăm L tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*); Nợ lãi quá hạn: 663.737.069đ (*Sáu trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng*).

- Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/998005/HĐTD ngày 25/6/2014 là quyền sử dụng đất diện tích 615m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở và 315m<sup>2</sup> đất ao), thửa đất số: 49, 52 tờ bản đồ số: 49 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 310082 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh PT cấp ngày 06/12/2002 cho hộ ông Phan Văn T tại địa chỉ: Thôn Nỗ Lực, xã V, thành phố V, tỉnh PT.

### \* Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất trả nợ như sau:

- Ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP DT Việt Nam khoản vay tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/998005/HĐTD ngày 25/6/2014 tính đến ngày 08/4/2024 cụ thể như sau:

Nợ gốc là: 732.000.000đ (*Bảy trăm ba mươi hai triệu đồng*);

Nợ lãi trong hạn là: 37.004.932đ (*Ba mươi bảy triệu, không trăm L tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*);

Nợ lãi quá hạn là: 663.737.069đ (*Sáu trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng*).

=> Tổng cả gốc và lãi là: 1.432.742.001đ (*Một tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm L một đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/4/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về tài sản bảo đảm: Ông Phan Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V (tức Hà), chị Phan Thị L, chị Phan Thị H, anh Phan Thành L nhất trí như sau: Trong trường hợp ông Phan Văn T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP DT Việt Nam đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/998005/HĐTD ngày 25/6/2014 thì Ngân hàng TMCP DT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 615m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở và 315m<sup>2</sup> đất ao), thửa đất số: 49, 52 tờ bản đồ số: 49 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 310082 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh PT cấp ngày 06/12/2002 cho hộ ông Phan Văn T tại địa chỉ: Thôn Nỗ Lực, xã V, thành phố V, tỉnh PT.

- Ngân hàng TMCP DT Việt Nam xin rút toàn bộ tiền lãi chậm trả và không

yêu cầu ông Phan Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi chậm trả. Ông Phan Văn T hoàn toàn nhất trí với nội dung này của Ngân hàng TMCP DT Việt Nam.

**3. Về lệ phí tố tụng:** Ngân hàng TMCP DT Việt Nam tự nguyện chịu toàn bộ 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) lệ phí thông báo trên pH tiện thông tin đại chúng. Xác nhận Ngân hàng TMCP DT Việt Nam đã nộp đủ số tiền trên.

**4. Về chi phí tố tụng:** Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.200.000đ (*Tám triệu hai trăm nghìn đồng*). Ngân hàng TMCP DT Việt Nam tự nguyện xin chịu toàn bộ số tiền 8.200.000đ (*Tám triệu hai trăm nghìn đồng*) chi phí tố tụng. Xác nhận Ngân hàng TMCP DT Việt Nam đã nộp đủ số tiền trên.

**5. Về án phí:**

- Ông Phan Văn T tự nguyện xin chịu toàn bộ 27.491.130đ (*Hai mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, một trăm ba mươi đồng*) án phí kinh doanh TH mại sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP DT Việt Nam được trả lại 32.400.000đ (*Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005824 ngày 19/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh PT.

**6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP. V, T. PT;
- Chi cục THADS TP. V, T. PT;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**THẨM PHÁN**

**Đào Thị H**

